TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT TỈNH BÌNH ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: 02/2023/DS-ST	
Ngày: 29/6/2023	
"V/v: Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Ánh Chung

2. Ông Nguyễn Hồng Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 6 năm 2023, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, về việc: *"Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm: 1952, địa chỉ: Thôn VT1, xã VT2, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt.

- *Đồng bị đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm: 1965 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1970, cùng địa chỉ: Thôn VT3, xã VT2, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm: 1977, địa chỉ: Thôn VT3, xã VT2, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt tại phiên tòa ngày 22/6/2023, nhưng vắng mặt tại phiên tòa hôm nay – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2022, được bổ sung bằng các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M trình bày:

Bà M là đại lý gạo, vợ chồng ông D bà Đ *(gọi tắt: Vợ chồng ông D)* thường mua gạo của bà M để làm bún, hai bên mua bán gạo với nhau kể từ năm 2015; Quá trình mua bán, có lúc vợ chồng ông D trả tiền liền, có lúc ghi sổ nợ của bà M, sau hai bên cùng đối chiếu để chốt nợ, trả tiền. Đến nay, bà M cho rằng vợ chồng ông D còn sót chưa trả tiền cho bà, cụ thể:

- Ngày 28/02/2016, bà M có mua 14 bao gạo của bà D1 ở thôn VT3, xã VT2 với số tiền là 6.090.000 đồng, bà M bán số gạo trên cho vợ chồng ông D với số tiền là 6.230.000 đồng (bán nợ chưa lấy tiền và bà D1 chở gạo trực tiếp đến nhà ông D để giao); Bà D1 đến nhà bà M tự ghi vào sổ, sau khi bà M trả đủ tiền cho bà D1, bà D1 tự gạch sổ ghi nợ; Như vậy thì vợ chồng ông D còn nợ số tiền mua 14 bao gạo trên của bà M với số tiền là 6.230.000 đồng.

- Ngày 30/6/2016, bà M có mua 30 bao gạo của bà H ở thôn VT3, xã VT2 với số tiền là 13.200.000 đồng, bà M bán lại số gạo đó cho vợ chồng ông D với số tiền là 13.500.000 đồng (bán nợ chưa lấy tiền và bà H chở gạo giao trực tiếp đến nhà vợ chồng ông D); Bà M đã lấy tiền của mình để trả hết tiền gạo nợ cho bà H. Sau đó vợ chồng ông D đã gạch bỏ phần ghi nợ trên và ghi là đã sang sổ nợ khác nhưng khi kiểm tra lại thì không thấy vợ chồng ông D ghi nợ tiền 30 bao gạo trên của bà M. Như vậy vợ chồng ông D đã bỏ sót 30 bao gạo với tổng số tiền nợ là 13.500.000 đồng.

- Ngày 06/7/2016, bà M có mua 29 bao gạo của bà H1 ở thôn An Nội, xã VT2 với số tiền là 12.670.000 đồng, bà M bán lại 29 bao gạo cho vợ chồng ông D với số tiền là 13.050.000 đồng (bán nợ chưa lấy tiền và bà H1 chở gạo trực tiếp đến nhà ông D để giao). Bà M trả tiền xong cho bà H1, còn vợ chồng ông D chỉ mới trả số tiền mua 29 bao gạo của bà M là 11.700.000 đồng. Như vậy vợ chồng ông D vẫn còn nợ tiền mua 29 bao gạo của bà M là 1.350.000 đồng.

Bà M khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông D phải trả tiền cho bà là 21.080.000 đồng;

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, đến ngày 20/6/2023 và tại phiên tòa hôm nay, bà M bổ sung yêu cầu khởi kiện. Bà cho rằng vợ chồng ông D còn tính thiếu số tiền 30 bao gạo mà vợ chồng ông D mua của bà vào ngày 10/7/2016 (do bà H chở qua), với số tiền là 13.350.000 đồng. Nhưng bà tự nhận do bà không kịp thời kiểm tra lại sổ ghi, nên nay bà tự nguyện giảm 50% tiền bán gạo, bà chỉ yêu cầu vợ chồng ông D trả 6.675.000 đồng.

Do đó, tổng số tiền bà M khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông D trả là **27.755.000 đồng**.

Trong các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đồng bị đơn ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà M có các cuốn sổ ghi chép việc mua bán, hai bên đã đối chiếu, chốt nợ, đã trả xong và gạch sổ. Nay bà M tiếp tục khởi kiện, ông bà có ý kiến: Thực tế vợ chồng ông bà có mua gạo của bà M từ năm 2015 nhưng đôi bên đã chốt sổ, trả xong nợ; Riêng đối với việc: Ngày 28/02/2016, vợ chồng ông bà không nhận được 14 bao gạo mà bà D1 chở qua. Tuy trong sổ nợ của bà M có ghi về việc "ngày 28/02/2016, Dung chở cho Hồng L 14 bao gạo…", nhưng tại mục ghi này không có bất cứ xác nhận nào của vợ chồng ông bà, vì nếu có nhận gạo thì ông bà sẽ gặp bà M, hai bên sẽ đối chiếu, ghi chốt sổ. Do đó, ông bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

Trong các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ngày 22/6/2023, người làm chứng bà Nguyễn Thị Thùy D1 trình bày:

Ngày 28/02/2016, bà M có mua 14 bao gạo của bà với giá 6.090.000 đồng, bà M nói bà M bán lại cho vợ chồng ông D và nhờ bà chở gạo qua nhà ông D . Bà một mình trực tiếp lấy xe máy chở 14 bao gạo qua nhà vợ chồng ông D. Bà chở nhiều lần, mỗi lần chở 02-03 bao. Mỗi lần chở gạo tới nhà vợ chồng ông D thì đều có vợ chồng ông D có mặt và đồng ý nhận gạo. Bà không trực tiếp lấy tiền của vợ chồng ông D; Sau khi vợ chồng ông D nhận 14 bao gạo xong thì bà đến nhà bà M tại trước chợ ĐB, thị trấn VT, bà M nói chưa đủ tiền nên trả trước cho bà số tiền 3.000.000 đồng; còn 3.090.000 đồng thì bà M đã trả tiếp cho bà vào ngày 01/3/2016. Bà M trả đủ tiền cho bà nên bà gạch trong sổ ghi nợ của bà M tại phần bà đã ghi trước đó vào ngày 28/02/2016.

Bà cam kết đã giao 14 bao gạo cho vợ chồng ông D nên bà mới nhận tiền bà M; Còn việc bà M bán lại 14 bao gạo cho vợ chồng ông D giá cụ thể bao nhiêu, vợ chồng ông D đã trả tiền cho bà M hay chưa thì bà không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- *Về việc giải quyết vụ án:* Trong 04 khoản yêu cầu của nguyên đơn:

+ Lần mua gạo vào 28/02/2016, bà M khai mua 14 bao gạo của bà Nguyễn Thị Thùy D1 với số tiền là 6.090.000 đồng và bán số gạo trên cho vợ chồng ông D với số tiền là 6.230.000 đồng, bà M đã trả tiền mua gạo cho bà D1, còn vợ chồng ông D chưa thanh toán khoản tiền này cho bà M, bà D1 khai phù hợp với bà M. Tuy nhiên, cả bà M và bà D1 đều không chứng minh được ông D đã nhận 14 bao gạo trên bởi trong tờ giấy mua bán gạo chỉ có chữ viết của bà D1 chứ không có chữ viết, chữ ký nào của đồng bị đơn thể hiện việc họ tham gia vào lần mua gạo này, đồng thời, nội dung thể hiện việc mua bán trên đã được gạch cho thấy giao dịch dân sự đã hoàn tất. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản yêu cầu này là không có cơ sở nên cần phải bác bỏ.

+ Cả nguyên đơn và bị đơn đều khai thống nhất với nhau, các lần mua bán giữa hai bên chỉ ghi vào các cuốn sổ do bà M giữ, khi gạch khoản mua nào, nếu bị đơn chưa thanh toán và cần cộng chuyển ghi chỗ khác trong sổ thì bị đơn đều ghi "L sang" để chuyển. 03 khoản yêu cầu còn lại đều ghi "L sang" nhưng bị đơn không chứng minh được các khoản ghi "L sang" này được chuyển sang khoản thanh toán nào ghi trong sổ. Qua cộng tất cả các khoản đã mua và đã thanh toán cho thấy phía bị đơn chưa thanh toán 03 lần mua gạo vào các ngày 30/6/2016, 06/7/2016 và 10/7/2016, nhưng nguyên đơn bà M tự nguyện giảm 50% tiền bán gạo vào ngày 10/7/2016, do đó yêu cầu của của bà M buộc bị đơn phải thanh toán là 21.525.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Căn cứ Điều 280, Điều 351, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Xuân M, buộc đồng bị đơn Trần Văn D, Nguyễn Thị Đ phải trả 21.525.000 đồng cho bà

M, bác yêu cầu của nguyên đơn đối khoản yêu cầu bị đơn thanh toán 6.230.000 đồng tiền mua gạo vào ngày 28/02/2016.

- Đồng bị đơn Trần Văn D, Nguyễn Thị Đ là đương sự thua kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương đương với khoản yêu cầu bị thua kiện. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Vụ án tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuộc tranh chấp về giao dịch dân sự, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Đồng bị đơn ông D và bà Đ cư trú tại huyện VT nên Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Vụ việc tranh chấp:

Nguyên đơn bà M khởi kiện, yêu cầu đồng bị đơn vợ chồng ông D phải trả cho bà M tổng số tiền mua gạo còn nợ là: **27.755.000 đồng**, cụ thể:

- Lần 01: Vợ chồng ông D mua 14 bao gạo của bà M vào ngày 28/02/2016 (Bà D1 chở gạo đến), số tiền nợ là 6.230.000 đồng;

- Lần 02: Vợ chồng ông D mua 30 bao gạo của bà M vào ngày 30/6/2016 (Bà H chở gạo đến), số tiền nợ 13.500.000 đồng;

- Lần 03: Vợ chồng ông D mua 29 bao gạo của bà M vào ngày 06/7/2016 (Bà H1 chở gạo đến), số tiền là 13.050.000 đồng, vợ chồng ông D chỉ mới trả cho bà M 11.700.000 đồng, còn thiếu nợ bà M là 1.350.000 đồng.

- Lần 04 (Yêu cầu khởi kiện bổ sung): Vợ chồng ông D mua 30 bao gạo của bà M vào ngày 10/7/2016 (Bà H chở gạo đến), số tiền nợ là 13.350.000 đồng; Nhưng nay bà M tự nguyện giảm 50% tiền bán gạo, bà M yêu cầu vợ chồng ông D trả 6.675.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, vợ chồng ông D nhiều lần không chấp nhận yêu cầu của bà M vì cho rằng đã trả xong nợ; Chỉ duy nhất vào ngày 01/6/2023, vợ chồng ông D thừa nhận hai bên có sự thiếu sót khi đối chiếu chốt nợ, vợ chồng ông D chấp nhận trả cho bà M 14.850.000 đồng, gồm: số tiền 13.500.000 đồng (Còn nợ khi mua 30 bao gạo ngày 30/6/2016) và số tiền còn thiếu 1.350.000 đồng (Còn nợ khi trả tiền mua 29 bao gạo ngày 06/7/2016); Các yêu cầu khác của bà M thì vợ chồng ông D không chấp nhận. Nhưng tại các phiên tòa ngày 22/6/2023 và 29/6/2023, vợ chồng ông D thay đổi lời khai, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

[2.2]. Xét yêu cầu của các đương sự:

Bà M là đại lý gạo, bà M có các cuốn sổ ghi chép việc mua bán gạo, nợ tiền, trả tiền gạo. Tại phiên tòa, giữa bà M và vợ chồng ông D cũng thống nhất lời khai với nhau về việc: Tất cả các khoản mua gạo, các khoản tiền mà vợ chồng ông D trả

cho bà M đều được ghi rõ trong sổ; Khi vợ chồng ông D nhận được gạo thì bà M đưa sổ cho vợ chồng ông D ghi xác nhận; Khi sang sổ thì ông D đều ghi chữ "L sang" hoặc "Sang sổ" và sẽ mang sang y nguyên từng khoản; Nếu nợ thì ông D ghi "L nợ" hoặc "L VT3 nợ"; Khi vợ chồng ông D trả tiền thì ông D cũng tự ghi rõ "L trả" hoặc bà Đ tự ghi "H2 trả" , ghi rõ thời gian, số tiền trả cụ thể;

Do hai bên mua bán gạo từ năm 2015, nên ngoại trừ các khoản đã chốt thanh toán xong trước đó thì vào các ngày 07/6/2017, ngày 18/11/2019, bà M và vợ chồng ông D có đối chiếu nợ các năm từ 2015 đến 2019, chốt nợ 84.085.000 đồng; Sau đó, hai bên nhận ra đã chốt nợ thiếu sót nên ngày 22/4/2021, hai bên tiếp tục chốt nợ 15.790.000 đồng. Vợ chồng ông D đã trả xong cho bà M số tiền này.

Hội đồng xét xử nhận định việc mua bán gạo giữa bà M và vợ chồng ông D thể hiện rõ ràng; Tuy nhiên, quá trình mua bán trực tiếp với rất nhiều lượt khách hàng, bà M không phân riêng sổ, mà ghi chung. Các bên chủ quan, bản thân bà M không kịp thời kiểm tra lại các sổ ghi nên dẫn đến việc bà M và vợ chồng ông D tính thiếu sót số tiền nợ;

Xét yêu cầu khởi kiện của bà M:

- Việc bà M khởi kiện cho rằng ngày 28/02/2016, bà mua 14 bao gạo của bà D1, bà bán lại cho vợ chồng ông D, bà nhờ bà D1 chở qua nhà vợ chồng ông D; Mặc dù bà D1 cam kết có chở gạo, bà D1 có ghi sổ việc chở 14 bao gạo, bà D1 đã nhận đủ tiền của bà M; Nhưng theo cuốn sổ ghi chép (sang sổ) mà bà M cung cấp có ghi "L VT3 nợ.." và ghi từ ngày 29/02/2016, vợ chồng ông D không có bất cứ xác nhận nào về việc nhận 14 bao gạo do bà D1 chở qua; Bà M và bà D1 đều không có chứng cứ nào khác để chứng minh; Do đó, bà M yêu cầu vợ chồng ông D trả tiền 6.230.000 đồng của 14 bao gạo ngày 28/02/2016 là không có cơ sở chấp nhận;

- Đối với 02 khoản, gồm: 13.500.000 đồng của 30 bao gạo mua ngày 30/6/2016; 1.350.000 đồng vợ chồng ông D trả thiếu tiền khi mua 29 bao gạo ngày 06/7/2016 và 01 khoản bà M bổ sung yêu cầu khởi kiện: 6.675.000 đồng của 30 bao gạo mua ngày 10/7/2016, mà bà M yêu cầu vợ chồng ông D trả với tổng số tiền **21.525.000 đồng** đều có ghi chép trong sổ, ông D có ghi xác nhận, mặc dù thực tế bị ông D gạch, nhưng đối chiếu các khoản đã mua và các khoản đã thanh toán, cho thấy: Tổng số tiền vợ chồng ông D trả cho bà M thời gian qua là trả tiền cho số lượng gạo khác, còn 03 khoản này thực tế vợ chồng ông D chưa trả tiền. Việc bà M bổ sung yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, do đó, ghi nhận việc bà M tự nguyện giảm 50% giá gạo mà vợ chồng ông D mua ngày 10/7/2016, chấp nhận cho bà M số tiền 21.525.000 đồng, là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Xét yêu cầu, ý kiến của vợ chồng ông D: Mặc dù vợ chồng ông D cho rằng đã trả xong tiền nợ gạo cho bà M, nhưng với tất cả các chứng cứ đã được thẩm tra, qua phân tích trên, chứng minh vợ chồng ông D còn nợ bà M số tiền 21.525.000 đồng và phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà M.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Đồng bị đơn ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 1.076.250 đồng *(21.525.000 đồng x 5%)* sung quỹ Nhà nước;

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 311.500 đồng *(6.230.000 đồng x 5%)*, nhưng bà M thuộc diện người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 280, 440 Bộ luật dân sự năm 2015

- Khoản 3 Điều 26; các Điều 35, 39, 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M đối với đồng bị đơn ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Đ: Buộc vợ chồng ông D bà Đ phải trả cho bà M số tiền 21.525.000 đồng (Hai mươi mốt triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

2. Bác 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M về việc yêu cầu đồng bị đơn ông D bà Đ phải trả cho bà M số tiền 6.230.000 đồng (Sáu triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 1.076.250 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) sung quỹ Nhà nước;

- Bà Nguyễn Thị Xuân M được miễn tiền án phí do thuộc diện người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện VT;
- CCTHADS huyện VT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mai Đào